

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 603/2022/DS-PT
Ngày: 26 - 9 -2022
V/v tranh chấp hội, hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm trực tuyến gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các thẩm phán:

Bà châu Thị Điệp

Bà Lê Thị Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Người tiền hàng tố tụng khác: Ông Bùi Sơn Hà - Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh và phòng xử án trực tuyến của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLPT- DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp hội và hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4688/2022/QĐPT- DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị Mỹ H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số A Tỉnh lộ H, tổ I, ấp C, xã P, huyện Củ chi, Tp. Hồ chí Minh. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông Dương Tiều T, sinh năm: 1964 và bà Đặng Thị R, sinh năm: 1961; cùng địa chỉ: Số V Tỉnh lộ H, ấp D, xã P, huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh. *(Có mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lê Hoàng L, sinh năm: 1968; địa chỉ: V Tỉnh lộ Y, ấp N, xã P, huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10/5/2013, và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, bà Tạ Thị Mỹ H (Viết tắt là “nguyên đơn”) trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm nên nguyên đơn có cho bà Đặng Thị R, ông Dương Tiều T (*Viết tắt là “bị đơn”*) vay nhiều lần để trả tiền vay ngân hàng, kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình và xây sửa nhà. Tính đến ngày 15/12/2012 (âm lịch) nguyên đơn đã cho vợ chồng bị đơn vay tổng số tiền 716.500.000 đồng. Bị đơn có hứa sẽ trả lại cho nguyên đơn khi nào nguyên đơn yêu cầu. Đến tháng 02/2013, nguyên đơn có nhu cầu sử dụng tiền nên nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn yêu cầu trả lại số tiền đã mượn là 716.500.000 đồng nhưng bị đơn vẫn không trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa.

Quá trình giải quyết, phía bị đơn chỉ thừa nhận trong tổng số tiền 716.500.000 đồng, gồm: Số tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền nợ hui là 160.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lãi còn nợ. Do vậy, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 660.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/6/2014 theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước (9%/năm).

Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn (ông Dương Tiều T) trình bày: Vào cuối năm 2009, ông và bà Đặng Thị R có mượn của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh, và có trả lãi hàng tháng 25.000.000 đồng; khoảng 03 năm (từ cuối năm 2009 đến năm 2013), thì gia đình đổ nợ nên không có khả năng trả tiếp. Nguyên đơn cộng dồn tiền gốc là 500.000.000 đồng, tiền hui là 160.000.000 đồng và tiền lãi nên tổng số tiền là 716.500.000 đồng. ông T xác định vợ chồng ông T có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và nợ tiền hui là 160.000.000 đồng; do vậy, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 660.000.000 đồng; và sẽ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nếu có thêm sẽ trả thêm.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn (bà Đặng Thị R) trình bày: Bà và nguyên đơn là hàng xóm láng giềng với nhau, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và có trả lãi với số tiền 25.000.000 đồng/tháng, bị đơn đã trả suốt thời gian khoảng 2, 3 năm gì đó thì mất khả năng chi trả. Đồng thời, bị đơn có chơi hui cùng nguyên đơn và còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 160.000.000 đồng. Nay bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền vay là 500.000.000 đồng và nợ tiền hui là 160.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền 660.000.000 đồng nhưng với điều kiện phải xem xét về số tiền đóng lãi và hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bị đơn khó khăn, xin được trả dần số tiền 20.000.000 đồng/năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng L (viết tắt là “ông L”) xác định: chỉ cho vợ chồng ông bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng vào năm 2009, cho đến hiện tại vẫn chưa trả. ông L thừa nhận lúc còn sống chung

với nguyên đơn, ông L có nhận tiền của bà R theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không biết là tiền gì và không nhớ nhận được bao nhiêu. ông L chỉ là người nhận và giao lại cho nguyên đơn. ông L xác định số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là tài sản chung của ông L và nguyên đơn, nếu Tòa buộc vợ chồng bị đơn trả tiền cho nguyên đơn thì yêu cầu đưa ông L vào liên quan. ông L xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh quyết định: Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 1.130.745.000 đồng; trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 25/2022/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm tại dòng thứ 4 từ dưới lên trang 6 của bản án như sau: “*Biên lai thu số AA/2012/02080 ngày 16 tháng 5 năm 2013 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.658.150 (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn, một trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu số AA/2014/0001070 ngày 13 tháng 5 năm 2015 của chi Cục thi hành*”.

Ngày 02/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh ban hành Quyết định số 30/2022/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm tại dòng thứ 5 từ dưới lên và đoạn 7, trang 1 của bản án như sau: “... *Thượng, xã P, huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh. (có mặt)*”.

Ngày 02/6/2022, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày ý kiến như sau: Giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 660.000.000 đồng (Bao gồm: số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/12/2012 (âm lịch) và nợ hui 160.000.000 đồng) cùng tiền lãi từ ngày 16/6/2014 theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước (9%/năm). Nguyên đơn không đồng ý với trình bày và yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đồng ý với kết quả giải quyết của bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày ý kiến như sau: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn và còn nợ nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/12/2012 (âm lịch) và số tiền nợ hui là 160.000.000 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền nợ vay và nợ hui là 660.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn mỗi tháng 25.000.000 đồng được 3 năm từ năm 2010 đến năm 2013; giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi;

yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hình thức thanh toán một lần của bản án sơ thẩm thành trả hàng tháng, cụ thể bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự lần 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ chí Minh trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

+ *Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong thời gian luật định căn cứ Điều 273 và Điều 285 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:* Tại phiên tòa, các đương sự có lời khai thống nhất xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vay 500.000.000 đồng và nợ lãi 160.000.000 đồng; do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 660.000.000 đồng là có căn cứ. Theo các giấy mượn tiền có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền không thỏa thuận lãi. Căn cứ Điều 471, 477, 479 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm và Điều 22 Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Hộ, Hụi, Bêu, Phường việc bị đơn yêu cầu trả lãi đối với số tiền 660.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Quyền và thời hạn kháng cáo: Ngày 19/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Củ chi xét xử vụ án và ban hành bản án, ngày 02/6/2022, bị đơn có kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ

chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh là đúng pháp luật về thẩm quyền.

[1.2.] *Về sự có mặt của các đương sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Hoàng L.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.1] *Về giải quyết tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm đối với số tiền nợ vay và nợ hui*

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/12/2012 (âm lịch) và bị đơn có nợ số tiền hui của nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng; tổng cộng bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 660.000.000 đồng từ năm 2012 đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 (*nay là Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015*) để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 660.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] *Về giải quyết tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm về trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh*

[2.2.1] *Về trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ vay*

Xét nội dung tại Giấy mượn tiền ngày 15/12/2012 (âm lịch) các bên không thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền vay 500.000.000 đồng.

Theo khoản 4 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005, quy định: “*Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận*”.

Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam từ ngày 01/12/2010 đến nay là 9%/năm.

Bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi cho nguyên đơn mỗi tháng 25.000.000 đồng từ cuối năm 2009 đến năm 2013 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn về việc trả tiền lãi cho nguyên đơn và trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận trình bày của bị đơn về việc đã trả tiền lãi đối với số tiền vay cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi đối với khoản nợ vay 500.000.000 đồng tính ngày 16/6/2014 cho đến ngày xét xử 19/5/2022 theo mức

lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước (9%/năm); cụ thể: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 356.794.521 đồng ($= 500.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 2.894 \text{ ngày}$) là đúng quy định tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm và Điều 1 của Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

[2.2.2] Về trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ hui

Xét, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hui là 160.000.000 đồng từ năm 2013 đến nay chưa trả.

Theo khoản 2 Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Hộ, Hui, Bêu, Phường quy định trường hợp đến kỳ mở Hộ mà có thành viên không góp phần Hộ hoặc góp phần Hộ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm góp Hộ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này. Do hui không có lãi suất nên mức lãi suất mà bị đơn phải trả đối với khoản tiền nợ hui 160.000.000 đồng được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp.

Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Hộ, Hui, Bêu, Phường quy định: “*Lãi suất trong Hộ có lãi do các thành viên của dây Hộ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở Hộ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần Hộ phải góp trừ đi giá trị các phần hộ đã góp trên thời gian còn lại của dây Hộ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó*”.

Theo quy định thì số tiền nợ lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ hui 160.000.000 đồng là 129.534.247 đồng ($= 160.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 2.894 \text{ ngày}$). Tuy nhiên, do nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất 9%/năm đối với khoản tiền nợ hui là có lợi cho bị đơn. Như vậy, số tiền lãi phát sinh từ nợ hui mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn là 114.174.247 đồng ($= 160.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 2.894 \text{ ngày}$).

Tòa án sơ thẩm xác định bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh từ khoản nợ vay và nợ hui theo lãi suất 9%/năm tương ứng với thời gian từ ngày 16/6/2014 đến ngày 19/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là phù hợp, cụ thể: Tổng số tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ vay và nợ hui mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 470.968.767 đồng nhưng bị đơn chỉ yêu cầu nguyên đơn trả số tiền lãi đối với khoản nợ vay và nợ hui là 470.475.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh 470.475.000 đồng từ khoản nợ vay và nợ hui là có căn cứ.

Xét, bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hình thức thanh toán một lần của bản án sơ thẩm thành thanh toán trả hàng tháng, cụ thể: Bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý phương thức trả nợ của bị đơn.

Từ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ lời trình của các đương sự và thừa nhận nợ của bị đơn, trên cơ sở quy định của pháp luật và xét đề nghị của Viện kiểm sát kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở đề Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[3] Đối với các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bị đơn ông Dương Tiều Thành phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận. Bà Đặng Thị Rõ được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ các điều 463, 466, 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Họ, Hụi, Bêu, Phường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị R và ông Dương Tiều T.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 195/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 25/2022/QĐ-SCBSBA ngày 01/6/2022 và số 30/2022/QĐ-SCBSBA ngày 02/6/2022 của Toà án Nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng ông Dương Tiều T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0044746 ngày 02/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Củ chi, Thành phố Hồ chí Minh. Ông Dương Tiều T đã nộp đủ án phí phúc thẩm. Bà Đặng Thị R được miễn án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND huyện Củ chi, Tp.HCM;
- chi cục THADS huyện Củ chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng